TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 02 - 2024
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 và 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2024.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á.

Địa chỉ: 130, Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T - Chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân (có mặt).

Địa chỉ: Lô 19 A2-1, KCN Trà Nóc 1, phường T, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quốc T trình bày: Vào ngày 31 tháng 7 năm 2015, ông Nguyễn Thanh T có thỏa thuận vay với Ngân hàng TMCP Đông Á với số tiền gốc là 29.000.000 đồng thể hiện tại giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là 8%/năm, lãi suất quá hạn là 12%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc và lãi là 25.513.635 đồng, còn nợ lại số tiền gốc và lãi tạm tính đến gày 28-02-2024 là 14.699.877 đồng. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phía Ngân hàng TMCP Đông Á cũng đã nhiều lần nhắc nhở qua điện thoại thông báo cho ông T số tiền đã đến hạn thanh toán nhưng sau đó thì không còn liên lạc được với ông T và ông T hiện cũng không có mặt tại địa phương. Xét thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đông Á bị xâm phạm, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông T giao trả số tiền còn nợ gồm gốc là 7.961.720 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28-02-2024 là 6.740.811 đồng (trong đó lãi trong hạn là 164.645 đồng, lãi quá hạn là 6.576.166 đồng). Ngoài ra, Ngân hàng TMCP Đông Á còn yêu cầu phía ông T phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn xét xử đề nghị khắc phục. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/7/2015 được các bên ký kết là tự nguyện, đúng theo quy định là hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất thỏa thuận thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên việc thỏa thuận vay ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đông Á và ông Nguyễn Thanh T được xem là hợp pháp. Thỏa thuận vay được ký kết hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng với các điều khoản đã được thỏa thuận. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đông Á yêu cầu ông T trả khoản nợ gốc là 7.961.720 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử (ngày 28-02-2024) là 6.740.811 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông Nguyễn Thanh T phải trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại "giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên theo thông báo của Ngân hàng. Yêu cầu trên của Ngân hàng TMCP Đông Á là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP Đông Á khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T giao trả số tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông T có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Thanh T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nhưng ông T không có mặt tại nơi cư trú và không rõ khi nào trở về. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên tại nơi cư trú cho ông T nhưng ông T vắng mặt qua các lần triệu tập mà không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á về việc buộc ông Nguyễn Thanh T giao trả số tiền nợ gốc là 7.961720 đồng và khoản nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/02/2024 là 6.740.811 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông T còn phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông T thanh toán xong các khoản nợ trên.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á đã cung cấp giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/7/2015 được ký kết giữa các bên và bản kê chi tiết các khoản nợ đã trả và còn phải trả. Cụ thể, các khoản nợ gốc và tiền lãi ông T đã trả từ ngày 15/9/2015 đến ngày 27/3/2017 là 25.513.635 đồng được thể hiện tại bản sao kê hoạt động của khách hành vay. Tính đến ngày 30/3/2017, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ vay phát sinh từ thỏa thuận vay giữa các bên. Phía Ngân hàng cũng đã thông báo cho ông T biết và yêu cầu ông T thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nhưng ông T đã rời khỏi địa phương nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới và cũng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên đối với việc vắng mặt trên của ông T là cố tình giấu địa chỉ. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã thực hiện việc cấp tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho ông T nhưng không thực hiện được nên đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của ông T theo quy định. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến ngày mở phiên Tòa xét xử, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Á. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối*

đó". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á cũng như chứng cứ do Ngân hàng cung cấp. Nên xem như ông T đã mặc nhiên thừa nhận khoản nợ vay trên.

Xét thấy "giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" được ký kết ngày 29/7/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đông Á và ông Nguyễn Thanh T được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; việc thỏa thuận lãi suất cho vay phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và đã được các bên thỏa thuận quy định chi tiết trong "giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" nên sự thỏa thuận trên giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á và ông T được xem là hợp pháp. Việc thỏa thuận vay hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng theo các điều khoản đã được thỏa thuận. Do ông T vi phạm nghĩa trả nợ vay, nên Ngân hàng TMCP Đông Á khởi kiện ông T yêu cầu ông T phải trả các khoản nợ vay gốc là 7.961.720 đồng và khoản nợ lãi phải trả tạm tính từ ngày 30/3/2017 đến ngày 28/02/2024 là 6.740.811 đồng (trong đó khoản nợ lãi trong hạn là 164.645 đồng, lãi quá hạn là 6.576.166 đồng) là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với các quy định tại khoản 4 Điều 11; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Á.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận ký kết tại "giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Đông Á.

[3] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 14.702.531 đồng x 5% = 735.126 đồng (làm tròn là 735.000 đồng)

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đông Á được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 735.000 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 340.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002009 ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á.

Buộc ông Nguyễn Thanh T giao trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á số tiền gốc là 7.961.720 đồng (bảy triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi đồng) và khoản lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 28/02/2024) là 6.740.811 đồng (sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-02-2024), ông Nguyễn Thanh T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại "giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" ký kết ngày 29/7/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh T nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 735.000 đồng (bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 340.000 đồng (ba trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002009 ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày; đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 28-02-2024); đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cẩm Hương